TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN
HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(*Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo*)

I. Thông tin chung

Học phần: **Nguyên lý kế toán** Số tín chỉ: 2

Mã học phần: **71ACCT20022** Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20022_01,02,03,04,05,06

Thời gian làm bài: **60 phút** Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu: Có ☒ chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không ☐

Giảng viên nộp đề thi, đáp án Lần 1 ☐ Lần 2 ☒

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO*(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)* **Ký hiệu CLO**	**Nội dung CLO**	**Hình thức đánh giá**	**Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Câu hỏi thi số**	**Điểm số tối đa**	**Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4, 5, 6	3	PI2.1
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 7,8, 9,10,11,12,13, 14	4	PI2.1
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN
HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Học kỳ II, Năm học 2023-2024

(*Phần công bố cho sinh viên*)

I. Thông tin chung

Học phần: **Nguyên lý kế toán**	Số tín chỉ: 2	
Mã học phần: **71ACCT20022**	Mã nhóm lớp học phần: **232_71ACCT20022_01,02,03,04,05,06**	
Thời gian làm bài: **60 phút**	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận	
SV được tham khảo tài liệu:	Có ☒ chỉ được sử dụng tài liệu giấy	Không ☐
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 ☐	Lần 2 ☒

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm) *bao gồm 14 câu, mỗi câu 0.5 điểm*

Câu 1: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 1a:

Thông tin kế toán quản trị chỉ cung cấp cho đối tượng nào sau đây?

A. Giám đốc tài chính

B. Nhà đầu tư

C. Cơ quan thuế

D. Nhà cung cấp

ANSWER: A

Câu 1b:

Thông tin kế toán quản trị không được cung cấp cho đối tượng nào sau đây?

A. Nhà đầu tư

B. Trưởng phòng mua hàng

C. Giám đốc tài chính

D. Kiểm toán nội bộ

ANSWER: A

Câu 2: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 2a:

Nghiệp vụ *"Hoàn thành dịch vụ tư vấn thuế cho khách hàng và nhận được tiền ngay"* sẽ

làm cho:

A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên phương trình kế toán cùng tăng

B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên phương trình kế toán không đổi

C. Chỉ ảnh hưởng bên phần nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán

D. Chỉ ảnh hưởng bên phần tài sản trên bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 2b:

Nghiệp vụ *"Chuyển khoản thanh toán hóa đơn tiền điện tại bộ phận bán hàng tháng này"* sẽ làm cho:

A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên phương trình kế toán cùng giảm

B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên phương trình kế toán không đổi

C. Chỉ ảnh hưởng bên phần tài sản trên bảng cân đối kế toán

D. Chỉ ảnh hưởng bên phần nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 3: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 3a:

Trong năm N, công ty A có tổng tài sản tăng lên 5.000.000.000 đồng và tổng nợ phải trả giảm 1.700.000.000 đồng, vậy tổng vốn chủ sở hữu sẽ biến động như thế nào?

A. Tăng 6.700.000.000 đồng

B. Tăng 4.300.000.000 đồng

C. Giảm 6.700.000.000 đồng

D. Giảm 4.300.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3b:

Trong năm N, công ty A có tổng tài sản tăng lên 7.000.000.000 đồng và tổng nợ phải trả giảm 1.300.000.000 đồng, vậy tổng vốn chủ sở hữu sẽ biến động như thế nào?

A. Tăng 8.300.000.000 đồng

B. Tăng 5.700.000.000 đồng

C. Giảm 5.700.000.000 đồng

D. Giảm 8.300.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 4a:

Ngày 25/7/N, khách hàng X đặt mua một lô hàng hóa với giá mua 40.000.000 đồng từ công ty Y. Ngày 29/7/N, khách hàng X chuyển khoản 8.000.000 đồng thanh toán trước một phần giá trị lô hàng. Ngày 3/8/N, công ty A xuất kho giao hàng đủ cho khách hàng X đã nhận đủ hàng và hẹn sẽ thanh toán tiền vào ngày 10/8/N. Vậy công ty A sẽ ghi nhận doanh thu bán hàng tháng 8/N bằng bao nhiêu?

A. 40.000.000 đồng

B. 8.000.000 đồng

C. 0 đồng

D. 32.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4b:

Ngày 25/7/N, khách hàng X đặt mua một lô hàng hóa với giá mua 40.000.000 đồng từ công ty Y. Ngày 29/7/N, khách hàng X chuyển khoản 8.000.000 đồng thanh toán trước một phần giá trị lô hàng. Ngày 3/8/N, công ty A xuất kho giao hàng đủ cho khách hàng X đã nhận đủ hàng và hẹn sẽ thanh toán tiền vào ngày 10/8/N. Vậy công ty A sẽ ghi nhận doanh thu bán hàng tháng 7/N bằng bao nhiêu?

A. 0 đồng

B. 8.000.000 đồng

C. 40.000.000 đồng

D. 32.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 5a:

Tháng 7/N, công ty A thu được 105.000.000 đồng do khách hàng X chuyển khoản, trong đó có 100.000.000 đồng là tiền hàng còn nợ và 5.000.000 đồng là khoản khách hàng nộp phạt do trả tiền quá hạn thanh toán. Vậy số tiền 5.000.000 đồng trên được ghi nhận vào khoản mục nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 7/N của công ty A?

A. Thu nhập khác

B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

C. Các khoản giảm trừ doanh thu

D. Doanh thu hoạt động tài chính

ANSWER: A

Câu 5b:

Tháng 7/N, công ty A quyết định giảm giá 5.000.000 đồng cho khách hàng X do số hàng bán ra trong kỳ có một số sản phẩm bị lỗi. Vậy số tiền 5.000.000 đồng trên được ghi nhận vào khoản mục nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 7/N của công ty A?

A. Các khoản giảm trừ doanh thu

B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

C. Thu nhập khác

D. Doanh thu hoạt động tài chính

ANSWER: A

Câu 6: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 6a:

Tình hình kinh doanh công ty JP trong tháng 12/N như sau: bán được 500 sản phẩm với đơn giá bán 1.000.000 đồng/ sản phẩm, đơn giá xuất kho 600.000 đồng/sản phẩm; Chi phí bán hàng bao gồm tiền quảng cáo sản phẩm 5.000.000 đồng, lương nhân viên 20.000.000 đồng, dịch vụ khác 5.000.000 đồng; Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm lương quản lý 30.000.000 đồng, dịch vụ khác 8.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty còn chiết khấu cho khách hàng 10.000.000 đồng do khách mua với số lượng lớn. Lợi nhuận kế toán trước thuế tháng 12/N của công ty PJ bằng bao nhiêu?

A. 122.000.000 đồng

B. 132.000.000 đồng

C. (77.600.000) đồng

D. 142.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6b:

Tình hình kinh doanh công ty JP trong tháng 12/N như sau: bán được 600 sản phẩm với đơn giá bán 1.000.000 đồng/ sản phẩm, đơn giá xuất kho 600.000 đồng/sản phẩm; Chi phí bán hàng bao gồm tiền quảng cáo sản phẩm 5.000.000 đồng, lương nhân viên 20.000.000 đồng, dịch vụ khác 5.000.000 đồng; Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm lương quản lý 30.000.000 đồng, dịch vụ khác 8.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty còn chiết khấu cho khách hàng 10.000.000 đồng do khách mua với số lượng lớn. Lợi nhuận kế toán trước thuế tháng 12/N của công ty PJ bằng bao nhiêu?

A. 162.000.000 đồng

B. 172.000.000 đồng

C. (77.600.000) đồng

D. 182.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 7a:

Nghiệp vụ "*Mua một xe tải dùng để giao hàng với giá mua 500.000.000 đồng chưa thanh toán*" được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 211/Có TK 331

B. Nợ TK 641/Có TK 331

C. Nợ TK 242/Có TK 331

D. Nợ TK 153/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 7b:

Nghiệp vụ "*Mua một máy in dùng ngay cho công tác bán hàng trong 18 tháng với giá mua 18.000.000 đồng, tiền chưa thanh toán*" được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 242/Có TK 331

B. Nợ TK 641/Có TK 331

C. Nợ TK 211/Có TK 331

D. Nợ TK 153/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 8: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 8a:

"Mua một lô hàng hóa nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 10.000.000 đồng bằng tiền mặt, số còn lại sẽ thanh toán sau" được làm phát sinh:

A. Bên Có TK 331 20.000.000

B. Bên Nợ TK 111 10.000.000

C. Bên Nợ TK 331 20.000.000

D. Bên Có TK 156 30.000.000

ANSWER: A

Câu 8b:

"Mua một lô hàng hóa nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 10.000.000 đồng bằng tiền mặt, số còn lại sẽ thanh toán sau" được làm phát sinh:

A. Bên Có TK 111 10.000.000

B. Bên Có TK 331 30.000.000

C. Bên Nợ TK 331 20.000.000

D. Bên Có TK 156 30.000.000

ANSWER: A

Câu 9: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 9a: **Ngày 20/11/N, công ty Minh Kha bán một lô hàng hóa với giá bán 100.000.000 đồng, thu ngay 75.000.000 đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại khách hàng sẽ thanh toán vào tháng sau. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:**

A. Bên Nợ TK 131 25.000.000

B. Bên Có TK 511 75.000.000

C. Bên Nợ TK 131 100.000.000

D. Bên Nợ TK 111 75.000.000

ANSWER: A

Câu 9b: **Ngày 20/11/N, công ty Minh Kha bán một lô hàng hóa với giá bán 100.000.000 đồng, thu ngay 75.000.000 đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại khách hàng sẽ thanh toán vào tháng sau. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:**

A. Bên Có TK 511 100.000.000

B. Bên Có TK 511 75.000.000

C. Bên Nợ TK 131 75.000.000

D. Bên Nợ TK 112 25.000.000

ANSWER: A

Câu 10: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 10a:

Ngày 1/7/N, công ty Anh Anh chuyển khoản mua một xe tải dùng để giao hàng với giá mua 600.000.000 đồng, ước tính sử dụng 10 năm. Bút toán điều chỉnh để trích khấu hao xe tải cho kỳ kế tóan năm N là:

A. Nợ TK 641		30.000.000	
	Có TK 214		30.000.000
B. Nợ TK 641		5.000.000	
	Có TK 214		5.000.000
C. Nợ TK 641		30.000.000	
	Có TK 211		30.000.000
D. Nợ TK 641		5.000.000	
	Có TK 242		5.000.000

ANSWER: A

Câu 10b:

Ngày 1/7/N, công ty Anh Anh chuyển khoản mua một xe tải dùng để giao hàng với giá mua 600.000.000 đồng, ước tính sử dụng 10 năm. Bút toán điều chỉnh để trích khấu hao xe tải cho kỳ kế tóan tháng 7/N là:

A. Nợ TK 641		5.000.000	
	Có TK 214		5.000.000
B. Nợ TK 641		30.000.000	
	Có TK 214		30.000.000
C. Nợ TK 641		30.000.000	
	Có TK 211		30.000.000
D. Nợ TK 641		5.000.000	
	Có TK 242		5.000.000

ANSWER: A

Câu 11: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 11a:

Cuối tháng 10/N, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí sử dụng máy in tại phòng kế toán, biết chiếc máy này lúc đưa vào sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng, thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng và bắt đầu từ tháng 8/N. Bút toán điều chỉnh được ghi nhận vào

ngày 31/10/N là:

A. Nợ TK 642	2.000.000	
Có TK 242		2.000.000
B. Nợ TK 642	6.000.000	
Có TK 242		6.000.000
C. Nợ TK 642	12.000.000	
Có TK 242		12.000.000
D. Nợ TK 642	4.000.000	
Có TK 242		4.000.000

ANSWER: A

Câu 11b:

Cuối tháng 12/N, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí sử dụng máy in năm N tại phòng kế toán, biết chiếc máy này lúc đưa vào sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng, thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng và bắt đầu từ tháng 10/N. Bút toán điều chỉnh được ghi nhận vào ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 642	6.000.000	
Có TK 242		6.000.000
B. Nợ TK 642	2.000.000	
Có TK 242		2.000.000
C. Nợ TK 642	12.000.000	
Có TK 242		12.000.000
D. Nợ TK 642	4.000.000	
Có TK 242		4.000.000

ANSWER: A

Câu 12: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 12a:

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản "Nguyên vật liệu" tại ngày 31/12/N của công ty A:

TK 152

SDĐK: 50.000.000	
(TK 112) 60.000.000	**75.000.000 (TK 621)**
(TK 331) 120.000.000	

Số dư cuối tháng 12/N của tài khoản "Nguyên vật liệu – TK 152" là:

A. Dư Nợ 155.000.000

B. Dư Có 155.000.000

C. Dư Nợ 205.000.000

D. Dư Có 205.000.000

ANSWER: A

Câu 12b:

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản "Công cụ dụng cụ" tại ngày 31/12/N của công ty A:

TK 153

SDĐK: 18.000.000	
(TK 111) 10.000.000	**5.000.000 (TK 242)**
(TK 112) 12.000.000	**500.000 (TK 641)**

Số dư cuối tháng 12 của tài khoản "Công cụ dụng cụ" là:

A. Dư Nợ 34.500.000

B. Dư Có 34.500.000

C. Dư Nợ 52.500.000

D. Dư Có 52.500.000

ANSWER: A

Câu 13: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 13a:

Thông tin về kinh doanh công ty F trong tháng 12/N như sau:

+ **Tổng doanh thu bán hàng: 800.000.000 đồng**
+ **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 235.000.000 đồng**
+ **Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 420.000.000 đồng**
+ **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 150.000.000 đồng**
+ **Lãi vay trả cho công ty tín dụng FeCredit: 45.000.000 đồng**
+ **Thu được tiền bồi thường từ khách hàng Affa: 15.000.000 đồng**
+ **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư trong tháng: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

A. Bên Có TK 911 845.000.000

B. Bên Có TK 911 850.000.000

C. Bên Có TK 911 815.000.000

D. Bên Có TK 911 830.000.000

ANSWER: A

Câu 13b:

Thông tin về kinh doanh công ty F trong tháng 12/N như sau:

+ **Tổng doanh thu bán hàng: 800.000.000 đồng**
+ **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 235.000.000 đồng**
+ **Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 420.000.000 đồng**
+ **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 150.000.000 đồng**
+ **Lãi vay trả cho công ty tín dụng FeCredit: 45.000.000 đồng**
+ **Thu được tiền bồi thường từ khách hàng Affa: 15.000.000 đồng**
+ **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư trong tháng: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí kinh doanh sẽ làm phát sinh:

A. Bên Nợ TK 911 850.000.000

B. Bên Có TK 911 850.000.000

C. Bên Nợ TK 911 845.000.000

D. Bên Có TK 911 845.000.000

ANSWER: A

Câu 14: ***(random 1 trong 2 câu)***

Câu 14a:

Khi thực hiện bút toán khóa sổ vào cuối kỳ, kế toán sẽ ghi bên *Có TK 421* khi:

A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ lớn hơn tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

B. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng tổng chi phí kinh doanh trong kỳ **C.** Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ nhỏ hơn tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

D. Tổng doanh thu bán hàng trong kỳ lớn hơn giá vốn hàng bán trong kỳ

ANSWER: A

Câu 14b:

Khi thực hiện bút toán khóa sổ vào cuối kỳ, kế toán sẽ ghi bên *Nợ TK 421* khi:

A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ nhỏ hơn tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

B. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

C. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ lớn hơn tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

D. Tổng doanh thu bán hàng trong kỳ lớn hơn giá vốn hàng bán trong kỳ

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÚ ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪ NGÀY 1/1/N-2, CHUYÊN CUNG CẤP KÈM VỚI DỊCH VỤ LẮP ĐẶT TRANG TRÍ NỘI THẤT. MỘT SỐ THÔNG TIN TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

- Áp dụng kỳ kế toán tháng;
- Áp dụng hệ thống kê khai thường xuyên trong việc quản lý hàng tồn kho;
- Áp dụng phương pháp thực tế đích danh trong việc tính và ghi nhận giá xuất kho;
- Số dư tại ngày 1/1/N của tất cả các tài khoản kế toán tại công ty như sau:

Tài khoản	Số tiền	Tài khoản	Số tiền
Tiền mặt	78.000.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng	800.000.000	Phải trả người bán	50.000.000
Hàng hóa	100.000.000	Vốn đầu tư chủ sở hữu	800.000.000
Công cụ dụng cụ	22.000.000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	120.000.000

**** Hàng hóa tồn đầu kỳ bao gồm 20 bộ đèn chiếu sáng với đơn giá 5.000.000 đồng/bộ.***

Nghiệp vụ phát sinh trong tháng 1/N	Ghi sổ nhật ký (đinh khoản)	Bút toán khóa sổ cuối kỳ
Ngày 1, chuyển khoản thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho người bán	Nợ TK 331 50.000.000 Có TK 112 50.000.000	Khóa sổ TK Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Nợ TK…… ……. Có TK ……. ……. Khóa sổ TK Doanh thu tài chính Nợ TK 515 10.000.000 Có TK 911 10.000.000 Khóa sổ TK Giá vốn hàng bán Nợ TK …… …… Có TK …… …….. Khóa sổ TK Chi phí bán hàng Nợ TK 911 40.000.000 Có TK 641 40.000.000 Khóa sổ TK Chi phí quản lý doanh nghiệp Nợ TK 911 50.000.000 Có TK 642 50.000.000 Khóa sổ TK Xác định kết quả kinh doanh Nợ TK 421 40.000.000 Có TK 911 40.000.000
Ngày 5, xuất kho một số công cụ trị giá 2.000.000 đồng sử dụng ngay cho công tác bán hàng tháng này	Nợ TK 641 2.000.000 Có TK 153 2.000.000	
Ngày 20, nhận được thông báo từ phía ngân hàng VIB về số tiền lãi tiết kiệm tháng 1/N là 10.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển trả lãi vào tài khoản thanh toán của công ty.	Nợ TK 112 10.000.000 Có TK 515 10.000.000	
Ngày 10, xuất kho ½ số hàng hóa hiện có trong kho bán cho khách hàng với tổng giá bán 90.000.000 đồng, đã thu đủ bằng tiền gửi ngân hàng.	Ghi nhận doanh thu bán hàng Nợ TK …. …… Có TK … ……. Ghi nhận giá vốn hàng bán Nợ TK ……. ……. Có TK……. ……..	
Ngày 28: kế toán tính và ghi nhận chi phí tiền lương phải trả tháng này, cụ thể: lương nhân viên bán hàng 38.000.000 đồng, lương của các phòng ban quản lý doanh nghiệp 50.000.000 đồng	Nợ TK 641 38.000.000 Nợ TK 642 50.000.000 Có TK 334 88.000.000	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY HOÀNG PHÚ KỲ: THÁNG 1 NĂM N ***Đơn vị tính: VNĐ***	
Chỉ tiêu	*Số tiền*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	……
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	……..
4. Giá vốn hàng bán	……
5. Lợi nhuận gộp	…….
6. Doanh thu hoạt động tài chính	*10.000.000*
7. Chi phí tài chính	-
8. Lợi nhuận tài chính	*10.000.000*
9. Chi phí bán hàng	40.000.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.000.000
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	……
12. Thu nhập khác	-
13. Chi phí khác	-
14. Lợi nhuận khác	-
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	*(40.000.000)*
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
17. Lợi nhuận ròng sau thuế	*(40.000.000)*

Yêu cầu:

(i) Ghi sổ nhật ký (định khoản) nghiệp vụ ngày 10/1/N

(ii) Thực hiện bút toán khóa sổ đối với tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511) và tài khoản Giá vốn hàng bán (TK 632)

(iii) Hoàn thành các chỉ tiêu còn thiếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 1/N của công ty Hoàng Phú.theo mẫu sau:

ĐÁP ÁN

(i)

Ghi nhận doanh thu bán hàng (0.5 điểm)

Nợ TK 112 90.000.000

Có TK 511 90.000.000

Ghi nhận giá vốn hàng bán (0.5 điểm)

Nợ TK 632 50.000.000

Có TK 156 50.000.000

(ii)

Khóa sổ TK Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 90.000.000 (0.5 điểm)

Có TK 911 90.000.000

Khóa sổ TK Giá vốn hàng bán

Nợ TK 632 50.000.000 (0.5 điểm)

Có TK 156 50.000.000

(iii) (0.2 điểm/chỉ tiêu)

Chỉ tiêu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 90.000.000

Doanh thu thuần 90.000.000

Giá vốn hàng bán 50.000.000

Lợi nhuận gộp 40.000.000

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (40.000.000)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ	**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**
ThS. Phan Minh Nguyệt	**ThS. Nguyễn Văn Tâm** **ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng**